

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**

**MỤC LỤC**

	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 23

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

**Công ty**

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 7 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 26 tháng 9 năm 2007.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Power Construction Joint Stock Company No I

Tên viết tắt: PCCI

Trụ sở chính : Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Văn Tứ	Chủ tịch
Ông Trịnh Văn Tuấn	Ủy viên
Ông Võ Hồng Quang	Ủy viên
Bà Mai Thị Hiền	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất gồm:

Ban Giám đốc

Ông Trịnh Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Tứ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Văn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Văn Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc

**Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận**

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 05 đến trang 23 kèm theo.

**Kiểm toán viên**

Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

**Đã ký**

---

**Trịnh Văn Tuấn**

**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2010*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2009	01/01/2009
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>955.744.956.389</b>	<b>493.205.127.185</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>176.022.231.025</b>	<b>17.824.859.266</b>
1. Tiền	111		32.511.248.010	17.824.859.266
2. Các khoản tương đương tiền	112		143.510.983.015	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>7.000.000.000</b>	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		7.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>401.861.962.136</b>	<b>270.508.577.514</b>
1. Phải thu khách hàng	131		315.606.885.801	215.972.472.866
2. Trả trước cho người bán	132		56.515.105.751	25.535.215.185
3. Các khoản phải thu khác	135		30.015.321.856	29.276.240.735
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(275.351.272)	(275.351.272)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.2	<b>351.950.590.495</b>	<b>195.898.713.379</b>
1. Hàng tồn kho	141		352.278.196.922	195.898.713.379
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(327.606.427)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>18.910.172.733</b>	<b>8.972.977.026</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		542.462.733	89.865.964
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		781.973.281	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		24.983.644	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.3	17.560.753.075	8.883.111.062
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+250+260+269)	<b>200</b>		<b>58.214.335.745</b>	<b>37.503.206.457</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>93.600.000</b>	-
1. Phải thu dài hạn khác	218		93.600.000	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>46.722.445.349</b>	<b>36.383.333.377</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.4	43.565.485.106	35.542.486.418
<i>Nguyên giá</i>	222		155.978.033.839	91.460.165.631
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(112.412.548.733)	(55.917.679.213)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.5	3.111.382.894	-
<i>Nguyên giá</i>	228		9.587.861.854	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(6.476.478.960)	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		45.577.349	840.846.959
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.610.000.000</b>	-
1. Đầu tư dài hạn khác	258	5.6	2.610.000.000	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.380.509.962</b>	<b>1.119.873.080</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	7.135.859.262	919.387.920
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		244.650.700	200.485.160
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>1.407.780.434</b>	-
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.013.959.292.134</b>	<b>530.708.333.642</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2009	01/01/2009
			VND	VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)</b>	<b>300</b>		<b>797.189.417.502</b>	<b>445.490.334.210</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>793.204.073.080</b>	<b>444.788.261.318</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	224.692.987.532	95.361.979.815
2. Phải trả người bán	312		102.489.135.864	55.362.261.614
3. Người mua trả tiền trước	313		322.989.066.246	155.734.246.723
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	27.337.304.308	50.822.395.267
5. Phải trả người lao động	315		23.780.142.157	12.397.962.658
6. Chi phí phải trả	316	5.10	49.806.959.571	23.323.701.100
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.11	27.783.496.234	51.083.528.236
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		12.347.327.076	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.977.654.092	702.185.905
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.985.344.422</b>	<b>702.072.892</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	5.12	2.734.256.253	-
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.251.088.169	702.072.892
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)</b>	<b>400</b>		<b>188.429.529.638</b>	<b>85.217.999.432</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>188.429.529.638</b>	<b>85.217.999.432</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.13	100.000.000.000	66.670.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.13	13.832.187.500	3.334.000.000
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		(1.910.376.889)	-
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		1.794.327.117	-
5. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.13	5.511.742.971	2.370.924.600
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.13	2.751.327.302	1.174.405.659
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		6.512.459	-
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.13	66.443.809.178	11.668.669.173
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>28.340.344.994</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400+439)</b>	<b>440</b>		<b>1.013.959.292.134</b>	<b>530.708.333.642</b>

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	TM	31/12/2009	01/01/2009
		VND	VND
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	1.018.825.163
2. Nợ khó đòi đã xử lý		12.373.726.137	-
3. Ngoại tệ các loại			
<i>USD</i>		1.598.763,68	1.707,55
<i>JPY</i>		3.961.001,00	

Đã ký

Đã ký

Trịnh Văn Tuấn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2010

Đoàn Thị Liên

Trưởng phòng TC - KT

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐIỆN I**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

MẪU B 02 - DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2009	Năm 2008
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.010.018.578.284	284.236.960.018
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.14	1.010.018.578.284	284.236.960.018
4. Giá vốn hàng bán	11	5.15	851.424.804.043	237.082.190.570
<b>5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>158.593.774.241</b>	<b>47.154.769.448</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.16	18.990.378.382	270.685.681
7. Chi phí tài chính	22	5.16	26.460.873.304	13.637.226.077
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		17.075.603.201	13.637.226.077
8. Chi phí bán hàng	24		17.684.810.424	859.772.727
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		39.028.880.973	15.519.290.976
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>94.409.587.922</b>	<b>17.409.165.349</b>
11. Thu nhập khác	31		11.950.518.197	2.550.760.327
12. Chi phí khác	32		4.445.220.734	1.641.635.796
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>7.505.297.463</b>	<b>909.124.531</b>
<b>14. Phần lãi/lỗ trong Công ty liên kết</b>	<b>45</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)</b>	<b>50</b>		<b>101.914.885.385</b>	<b>18.318.289.880</b>
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.17	6.404.084.995	4.231.406.137
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(244.650.700)	(200.485.160)
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>95.755.451.090</b>	<b>14.287.368.903</b>
19. Lợi ích cổ đông thiểu số	61		27.864.851.540	-
<b>20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ (62 = 60-61)</b>	<b>62</b>		<b>67.890.599.550</b>	<b>14.287.368.903</b>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.18	9.110	2.601

Đã ký

Đã ký

---

**Trịnh Văn Tuấn****Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2010

---

**Đoàn Thị Liên****Trưởng phòng TC - KT**



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	101.914.885.385	18.318.289.880
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	25.026.450.320	9.176.555.938
- Các khoản dự phòng	03	14.237.702.190	313.537.773
- Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.205.447.801)	(2.089.841.985)
- Chi phí lãi vay	06	21.059.494.101	13.637.226.077
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước những thay đổi VLD	08	155.033.084.195	39.355.767.683
- Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	(139.750.999.674)	35.758.105.347
- Tăng/Giảm hàng tồn kho	10	(23.181.336.649)	(41.198.526.769)
- Tăng/Giảm các khoản phải trả	11	147.265.071.128	3.270.077.119
- Tăng/Giảm chi phí trả trước	12	(479.626.918)	(4.777.081.550)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(20.976.090.058)	(14.260.280.705)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.723.700.806)	(1.185.750)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.853.808.076	3.801.888.302
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(358.528.519)	(316.226.672)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>115.681.680.775</b>	<b>21.632.537.005</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(14.954.682.276)	(1.203.158.128)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH	22	1.813.790.335	1.518.862.655
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6.951.976.031)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	18.052.503.315	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.600.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.133.837.147	266.960.620
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>2.493.472.490</b>	<b>582.665.147</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp từ CSH	31	43.828.187.500	20.004.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	686.070.160.375	250.550.217.919
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(680.935.417.740)	(293.919.869.964)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.409.444.000)	(5.380.319.050)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>40.553.486.135</b>	<b>(28.745.971.095)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>158.728.639.400</b>	<b>(6.530.768.943)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>17.824.859.266</b>	<b>24.355.628.209</b>
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(531.267.641)	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>176.022.231.025</b>	<b>17.824.859.266</b>

Đã ký

Đã ký

Trịnh Văn Tuấn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2010

Đoàn Thị Liên

Trưởng phòng TC - KT

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 7 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 26 tháng 9 năm 2007.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Power Construction Joint Stock Company No I

Tên viết tắt: PCC I

Trụ sở chính: Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội.

**Các đơn vị trực thuộc gồm:**

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
1. Văn phòng Công ty	Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội
2. Chi nhánh I.4	Số 471 Đường Tam Trinh, phường Hoàng Văn Thụ, Hà Nội
3. Chi nhánh I.6	Văn La, phường Văn Khê, quận Hà Đông, Hà Nội
4. Trung tâm Tư vấn	Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội

**Các Công ty con:**

- Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Điện I - Ba La
- Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Điện I - Đại Mỗ
- Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Điện I Miền Nam
- Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Điện I - Mỹ Đình
- Công ty TNHH Chế tạo cột thép Đông Anh - Hyundai (\*)

(\*) Thực hiện theo hợp đồng chuyển nhượng vốn ngày 15 tháng 04 năm 2009 giữa Công ty TNHH Công nghiệp nặng Hyundai (HHI) và Công ty Cổ phần Xây lắp điện I (PCC1), HHI đồng ý chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của HHI tại Hyundai Đông Anh cho PCC1 và PCC1 đồng ý nhận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp này. Hai bên đã hoàn thành thủ tục chuyển nhượng vốn tháng 4 năm 2009. Theo đó, tính đến ngày 31/12/2009, PCC1 giữ 1.571.300 cổ phần tại Hyundai Đông Anh tương ứng tỷ lệ là 55% trên tổng số vốn điều lệ là 2.857.000 USD.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính**

- Xây lắp các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình nguồn điện, các công trình công nghiệp, dân dụng, kỹ thuật hạ tầng, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông;
- Sản xuất, kinh doanh điện;
- Sản xuất kinh doanh thiết bị, kết cấu thép, kim khí, vật liệu xây dựng, vật liệu và các phụ kiện công trình điện, chế tạo thiết bị xây dựng, thiết bị phi tiêu chuẩn; lắp đặt, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, đường dây cáp quang;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Kinh doanh bất động sản, khách sạn, du lịch và các dịch vụ khác;
- Tư vấn đầu tư, khảo sát, thiết kế xây dựng các công trình điện, công nghiệp, dân dụng, tư vấn giám sát, đền bù, giải phóng mặt bằng;
- Đào tạo nghề xây lắp điện;
- Khai thác và chế biến đá các loại;
- Đo đạc bản đồ địa chính, giải thửa, trích đo thửa đất để phục vụ đền bù thi công công trình.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan và Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và các văn bản sửa đổi chế độ kế toán của Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành đến thời điểm hiện tại.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tổ hợp công ty mẹ và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

**Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn từ 3 tháng đến 3 năm so với thời hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, các cam kết nợ hoặc được trích lập cho các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản, hay các khó khăn tương tự.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

**Nhóm tài sản****Thời gian khấu hao (Năm)**

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07
Tài sản cố định khác	04

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn gồm chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa, cải tạo nhà làm việc và các chi phí khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời gian sử dụng ước tính.

**Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác không chịu lãi và được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thụ được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hợp đồng xây dựng**

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Việc xác định doanh thu của Hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và các yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

Lãi, lỗ thực tế của mỗi công trình thường chỉ được xác định đúng khi công trình đã hoàn thành, giá trị công trình đã được quyết toán và lãi, lỗ đối với phần khối lượng hoàn thành trong từng năm có thể chưa phản ánh đúng thực tế hoạt động kinh doanh của năm đó.

**Chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên Báo cáo tài chính hợp nhất, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn được hạch toán vào kết quả kinh doanh. Trong trường hợp, hạch toán lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại của các khoản nợ dài hạn vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh bị lỗ thì có thể phân bổ một phần lỗ chênh lệch tỷ giá cho năm sau để không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất cũng bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm tiếp theo.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Theo quy định tại thông tư 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 “Hướng dẫn thi hành Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp”, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho 2 năm tài chính 2006, 2007 và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho 3 năm tài chính tiếp theo.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐIỆN I**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN/HN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	2.813.147.639	7.004.007.524
Tiền gửi Ngân hàng	29.698.100.371	10.820.851.742
Các khoản tương đương tiền	143.510.983.015	-
<b>Tổng</b>	<b><u>176.022.231.025</u></b>	<b><u>17.824.859.266</u></b>

**5.2 HÀNG TỒN KHO**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	58.078.125.473	11.747.620.680
Công cụ, dụng cụ	524.361.003	61.080.411
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	293.675.710.446	184.090.012.288
<b>Tổng</b>	<b><u>352.278.196.922</u></b>	<b><u>195.898.713.379</u></b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(327.606.427)	-
<b>Giá trị thuần của hàng tồn kho</b>	<b><u>351.950.590.495</u></b>	<b><u>195.898.713.379</u></b>

**5.3 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	16.949.947.938	8.307.235.668
Cầm cố, kỹ quỹ, ký cược ngắn hạn	610.805.137	575.875.394
<b>Tổng</b>	<b><u>17.560.753.075</u></b>	<b><u>8.883.111.062</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐIỆN I**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN/HN****5.4 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

Năm 2009	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng
<b><u>Nguyên giá</u></b>						
<b>Tại ngày 01/01</b>	<b>23.547.384.276</b>	<b>40.981.157.271</b>	<b>23.152.959.253</b>	<b>3.762.894.831</b>	<b>15.770.000</b>	<b>91.460.165.631</b>
Tăng trong năm	9.346.059.798	48.423.321.677	12.727.874.660	1.974.170.209	-	72.471.426.344
Xây dựng mới	201.561.511	1.220.698.038	-	-	-	1.422.259.549
Mua trong năm	39.661.571	1.656.234.673	8.723.804.429	250.372.134	-	10.670.072.807
Nhận từ công ty con	9.104.836.716	45.546.388.966	4.004.070.231	1.723.798.075	-	60.379.093.988
Giảm trong năm	491.428.894	4.153.237.055	2.075.513.672	1.233.378.515	-	<b>7.953.558.136</b>
Thanh lý, nhượng bán	491.428.894	4.153.237.055	2.075.513.672	1.233.378.515	-	7.953.558.136
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b>32.402.015.180</b>	<b>85.251.241.893</b>	<b>33.805.320.241</b>	<b>4.503.686.525</b>	<b>15.770.000</b>	<b>155.978.033.839</b>
<b><u>Hao mòn lũy kế</u></b>						
<b>Tại ngày 01/01</b>	<b>13.125.284.464</b>	<b>19.992.425.211</b>	<b>19.179.173.437</b>	<b>3.605.026.101</b>	<b>15.770.000</b>	<b>55.917.679.213</b>
Tăng trong năm	9.380.268.956	45.773.799.199	5.691.226.689	1.867.275.419	-	<b>62.712.570.263</b>
Trích khấu hao	2.569.541.496	10.445.124.576	2.196.286.090	143.477.344	-	15.354.429.506
Nhận từ công ty con	6.810.727.460	35.328.674.623	3.494.940.599	1.723.798.075	-	47.358.140.757
Giảm trong năm	317.431.153	2.600.779.963	2.066.111.112	1.233.378.515	-	<b>6.217.700.743</b>
Thanh lý, nhượng bán	317.431.153	2.600.779.963	2.066.111.112	1.233.378.515	-	6.217.700.743
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b>22.188.122.267</b>	<b>63.165.444.447</b>	<b>22.804.289.014</b>	<b>4.238.923.005</b>	<b>15.770.000</b>	<b>112.412.548.733</b>
<b><u>Giá trị còn lại</u></b>						
<b>Tại ngày 01/01</b>	<b>10.422.099.812</b>	<b>20.988.732.060</b>	<b>3.973.785.816</b>	<b>157.868.730</b>	<b>-</b>	<b>35.542.486.418</b>
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b>10.213.892.913</b>	<b>22.085.797.445</b>	<b>11.001.031.227</b>	<b>264.763.520</b>	<b>-</b>	<b>43.565.485.106</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN/HN****5.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH***Đơn vị tính: VND*

<b>Năm 2009</b>	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm máy tính</b>	<b>Tổng</b>
<b><u>Nguyên giá</u></b>			
<b>Tại ngày 01/01</b>	-	-	-
Tăng trong năm	9.526.195.854	61.666.000	9.587.861.854
Mua trong năm	-	61.666.000	61.666.000
Nhận từ công ty con	9.526.195.854	-	9.526.195.854
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b>9.526.195.854</b>	<b>61.666.000</b>	<b>9.587.861.854</b>
<b><u>Hao mòn lũy kế</u></b>			
<b>Tại ngày 01/01</b>	-	-	-
Tăng trong năm	6.472.926.918	3.552.041	6.476.478.960
Trích khấu hao	488.522.254	3.552.041	492.074.296
Nhận từ công ty con	5.984.404.664	-	5.984.404.664
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b>6.472.926.918</b>	<b>3.552.041</b>	<b>6.476.478.960</b>
<b><u>Giá trị còn lại</u></b>			
<b>Tại ngày 01/01</b>	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b>3.053.268.936</b>	<b>58.113.959</b>	<b>3.111.382.894</b>

**5.6 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trái phiếu	10.000.000	
Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon		
<i>Cổ phần cam kết mua</i>	400.000	-
<i>Số tiền đã góp</i>	2.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản Vinaincon		
<i>Cổ phần cam kết mua</i>	300.000	-
<i>Số tiền đã góp</i>	600.000.000	-

Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Vinaincon có ngành nghề kinh doanh chính là thăm dò, khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản, vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng.

Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon có ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao, vốn điều lệ 40.000.000.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN/HN****5.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
CCDC chờ phân bổ	1.163.711.223	624.861.372
Chi phí sửa chữa	-	294.526.548
Chi phí khác	5.972.148.039	-
<b>Tổng</b>	<b>7.135.859.262</b>	<b>919.387.920</b>

**5.8 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Nội	52.394.938.065	85.123.102.090
Ngân hàng Công thương - CN HCM	1.331.642.435	-
Ngân hàng Công thương - CN Hà Tây	18.217.904.837	9.374.127.725
Công ty Tài chính CP Điện lực	149.545.124.068	-
Techcombank Hà Tây	245.000.000	-
Vay cá nhân	2.280.000.000	864.750.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>678.378.127</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>224.692.987.532</b>	<b>95.361.979.815</b>

**5.9 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	19.944.173.185	19.041.606.869
Thuế xuất nhập khẩu	734.444	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.153.399.226	5.145.647.211
Thuế thu nhập cá nhân	174.912.111	47.378.378
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	64.085.342	67.722.342
Tiền sử dụng đất dự án	-	26.519.200.000
Các loại thuế khác	-	840.467
<b>Tổng</b>	<b>27.337.304.308</b>	<b>50.822.395.267</b>

**5.10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí các công trình xây dựng	48.612.466.084	23.323.701.100
Các chi phí khác	1.194.493.487	-
<b>Tổng</b>	<b>49.806.959.571</b>	<b>23.323.701.100</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN/HN****5.11 PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	861.545.703	897.958.032
Bảo hiểm xã hội	447.943.879	169.258.173
Bảo hiểm y tế	66.888.895	38.087.117
Bảo hiểm thất nghiệp	32.289.664	
Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà và Xây dựng HN	-	20.041.500.000
Cổ tức phải trả	2.292.632.050	2.076.180.050
Phải trả khác	24.082.196.043	27.860.544.864
<b>Tổng</b>	<b>27.783.496.234</b>	<b>51.083.528.236</b>

**5.12 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay dài hạn</b>		
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Nội	930.000.000	
Công ty Tài chính CP Điện lực	227.500.000	
Ngân hàng Công thương - CN Hà Tây	220.000.000	
Công ty Tài chính CP Điện lực	2.035.134.380	
<b>Nợ dài hạn</b>		
<b>Tổng vay và nợ dài hạn</b>	<b>3.412.634.380</b>	<b>-</b>
Trừ:		
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>678.378.127</b>	<b>-</b>
<b>Số dư vay và nợ dài hạn</b>	<b>2.734.256.253</b>	<b>-</b>

**5.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU****Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<b>Theo Giấy chứng nhận ĐKKD</b>			<b>Vốn đã ghi nhận</b>	
	<b>CP</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
		<b>VND</b>	<b>%</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn Nhà nước	500.000	5.000.000.000	10%	15.000.000.000	6.667.000.000
Các cổ đông khác	4.500.000	45.000.000.000	90%	85.000.000.000	60.003.000.000
<b>Tổng</b>	<b>5.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>		<b>100.000.000.000</b>	<b>66.670.000.000</b>

(\*) Công ty đã phát hành cổ phiếu ra công chúng theo giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu số 418/UBCK - GCN do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/08/2009 nhưng chưa thực hiện thay đổi đăng ký kinh doanh.

**Cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/CP)**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	7.900.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	6.667.000
- Cổ phiếu thường	10.000.000	6.667.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐIỆN I**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN/HN****5.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Biến động các quỹ***Đơn vị tính: VND*

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Thặng dư vốn</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>
<b>Tại ngày 01/01/08</b>	<b>50.000.000.000</b>	-	<b>829.721.051</b>	<b>403.803.884</b>	<b>7.938.206.469</b>
Tăng trong năm	16.670.000.000	3.334.000.000	1.541.203.549	770.601.775	14.287.368.903
<i>Vốn góp</i>	<i>16.670.000.000</i>	<i>3.334.000.000</i>	-	-	-
<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	-	-	-	-	<i>14.287.368.903</i>
<i>Trích lập các quỹ</i>	-	-	<i>1.541.203.549</i>	<i>770.601.775</i>	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	10.556.906.199
<i>Trích lập các quỹ</i>	-	-	-	-	<i>3.082.407.099</i>
<i>Chia cổ tức</i>	-	-	-	-	<i>7.456.499.100</i>
<i>Chi quỹ</i>	-	-	-	-	<i>18.000.000</i>
<b>Tại ngày 31/12/08</b>	<b>66.670.000.000</b>	<b>3.334.000.000</b>	<b>2.370.924.600</b>	<b>1.174.405.659</b>	<b>11.668.669.173</b>
<b>Tại ngày 01/01/09</b>	<b>66.670.000.000</b>	<b>3.334.000.000</b>	<b>2.370.924.600</b>	<b>1.174.405.659</b>	<b>11.668.669.173</b>
Tăng trong năm	33.330.000.000	10.498.187.500	3.140.818.371	1.576.921.643	69.669.135.543
<i>Vốn góp</i>	<i>33.330.000.000</i>	<i>10.498.187.500</i>	-	-	-
<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	-	-	-	-	<i>67.890.599.550</i>
<i>Chênh lệch tỷ giá</i>	-	-	-	-	<i>1.778.535.994</i>
<i>Trích lập các quỹ</i>	-	-	<i>3.140.818.371</i>	<i>1.576.921.643</i>	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	14.893.995.538
<i>Trích lập các quỹ</i>	-	-	-	-	<i>6.294.661.659</i>
<i>Chia cổ tức</i>	-	-	-	-	<i>8.239.808.000</i>
<i>Chi quỹ</i>	-	-	-	-	-
<i>Giảm khác</i>	-	-	-	-	<i>359.525.879</i>
<b>Tại ngày 31/12/09</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>13.832.187.500</b>	<b>5.511.742.971</b>	<b>2.751.327.302</b>	<b>66.443.809.178</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN/HN****5.14 DOANH THU**

	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu hoạt động xây lắp	413.348.063.610	252.564.759.729
Doanh thu kinh doanh nhà dự án	40.618.950.380	18.950.058.695
Doanh thu gia công sản phẩm	523.408.759.728	-
Doanh thu khác	32.642.804.566	12.722.141.594
<b>Tổng</b>	<b><u>1.010.018.578.284</u></b>	<b><u>284.236.960.018</u></b>

**5.15 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn hoạt động xây lắp	377.589.140.992	216.033.672.173
Giá vốn kinh doanh nhà dự án	29.338.142.237	10.347.466.675
Giá vốn gia công sản phẩm	414.209.398.155	-
Giá vốn khác	30.288.122.659	10.701.051.722
<b>Tổng</b>	<b><u>851.424.804.043</u></b>	<b><u>237.082.190.570</u></b>

**5.16 DOANH THU/CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi	3.217.040.279	269.206.775
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.478.906
Doanh thu hoạt động tài chính khác	15.773.338.103	-
<b>Tổng</b>	<b>18.990.378.382</b>	<b>270.685.681</b>
<b>Chi phí tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	17.075.603.201	13.637.226.077
Chi phí tài chính khác	9.385.270.103	-
<b>Tổng</b>	<b>26.460.873.304</b>	<b>13.637.226.077</b>
<b>Thu nhập tài chính - thuần</b>	<b><u>(7.470.494.922)</u></b>	<b><u>(13.366.540.396)</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN/HN****5.17 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>101.914.885.385</b>	<b>18.318.289.880</b>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>735.051.992</i>	<i>2.043.065.553</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(91.174.421)</i>	<i>-</i>
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>102.558.762.956</b>	<b>20.361.355.433</b>
Trong đó:		
<i>Thu nhập chịu thuế không được ưu đãi</i>	<i>10.287.476.997</i>	<i>7.034.874.444</i>
Thuế suất áp dụng	25%	28%
Tỷ lệ ưu đãi	50%	50%
<b>Chi phí thuế TNDN năm hiện hành</b>	<b>6.404.084.995</b>	<b>4.231.406.137</b>
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(244.650.700)	(200.485.160)
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>(244.650.700)</b>	<b>(200.485.160)</b>
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>6.159.434.295</b>	<b>4.030.920.977</b>

**5.18 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	67.890.599.550	14.287.368.903
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VND)	67.890.599.550	14.287.368.903
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	7.452.310	5.493.249
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</b>	<b>9.110</b>	<b>2.601</b>

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 10.000đ/cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN/HN****6. CÁC THÔNG TIN KHÁC****Thu nhập của các thành viên chủ chốt****Năm 2009****VND**

Tiền lương	1.742.799.286
Phụ cấp	100.500.000

**6.1 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Trong năm tài chính này, Công ty tiếp tục thực hiện các Hợp đồng thuê đất sau:

<b>Nội dung</b>	<b>Diện tích đất năm (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Số phải nộp theo Thông báo</b>	
		<b>Năm 2009 VND</b>	<b>Năm 2008 VND</b>
Thuê đất tại 18 Lý Văn Phúc, Phường Cát Linh, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. HĐ thuê đất số 19-245-98/ĐC-HĐTĐ ngày 23/05/1998 ký với Sở Địa chính Hà Nội	590,56	32.111.700	32.111.700
Thuê đất tại xã Hoàng Văn Thụ, huyện Thanh Trì để xây dựng trụ sở và nhà ở . HĐ thuê đất số 366-245/ĐC-NĐ-HĐTĐ ngày 15/10/1999 ký với Sở Địa chính- Nhà đất Hà Nội	961	37.623.150	37.623.150
Thuê đất tại các xã Mỹ Đình, xã Xuân Phương, xã Đại Mỗ, xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội.	20.348,86	297.708.848	298.789.159
Thuê đất tại xã Yên Thường, huyện Gia Lâm để sử dụng vào mục đích sản xuất. HĐ thuê đất số 128-24599/ĐC-NĐ-HĐTĐ ngày 16/07/1999 ký với Sở Địa chính- Nhà đất Hà Nội	9.858,82	123.235.000	123.235.250
Thuê đất tại xã Tân Thành, thị xã Ninh Bình để sử dụng vào mục đích kinh doanh xây lắp đường dây tải điện. HĐ thuê đất số 79/HĐ-TĐ ngày 25/11/1997 ký với Sở Địa chính tỉnh Ninh Bình	2.886,9	3.637.000	3.637.494
Thuê đất tại Phú Lương, Hà Đông, tỉnh Hà Tây	8.660	96.724.000	96.723.576
Thuê đất tại Văn La, Hà Đông, tỉnh Hà Tây	1.193,5	12.174.000	12.173.700
Thuê đất tại Phú Lãm, Hà Đông, tỉnh Hà Tây	840,1	4.285.000	4.284.510
Thuê đất tại huyện Yên Mỗ, Ninh Bình	50.520	6.649.000	8.841.000
<b>Tổng</b>		<b>614.147.698</b>	<b>617.419.539</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

---

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

**7. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định trên những khía cạnh trọng yếu không có sự kiện nào quan trọng xảy ra sau ngày khóa sổ cần phải công bố trong báo cáo này.

**8. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được kiểm toán.

Đã ký

Đã ký

---

**Trịnh Văn Tuấn**

**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2010*

---

**Đoàn Thị Liên**

**Trưởng phòng TC - KT**